

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1334/UBND-THNC

Đồng Nai, ngày 11 tháng 12 năm 2023

V/v tiếp tục tăng cường, phát
huy các kết quả tích cực và khắc
phục các tồn tại, hạn chế trong
thực hiện tiêu chí đánh giá công
tác PCTN năm 2022

Kính gửi:

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố Long Khánh và thành phố Biên Hòa;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Các doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh.

Ngày 06/11/2023, Thanh tra Chính phủ có Văn bản số 2542/TTCP-C.IV về kết quả đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022 của tỉnh Đồng Nai (đính kèm).

Qua rà soát, UBND tỉnh nhận thấy, thời gian qua, thực hiện nghiêm chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại Công văn số 4420-CV/TU ngày 07/12/2022 và Văn bản số 14206/UBND-THNC ngày 29/12/2022 của UBND tỉnh về chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong đánh giá chỉ số phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh hàng năm. Trên cơ sở đó, các cấp ủy, chính quyền đã quan tâm, chỉ đạo, chấn chỉnh và tổ chức thực hiện hiệu quả hơn, thể hiện qua kết quả Thanh tra Chính phủ đánh giá năm 2022 tỉnh Đồng Nai tăng cả về trị số và vị trí: điểm chỉ số phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2021 đạt 69,24, xếp thứ 12 cả nước; điểm chỉ số phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022 đạt 75,93, xếp thứ 5 cả nước và là một trong 15 tỉnh có điểm số trên 70 điểm.

Bên cạnh những kết quả, chuyển biến tích cực, những đơn vị thực hiện tốt thì vẫn còn một số ít đơn vị, địa phương còn có những hạn chế nhất định. Trên cơ sở đó, nhằm tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tiếp tục thực hiện nghiêm các chỉ đạo của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tại Công văn số 4420-CV/TU ngày 07/12/2022 và chỉ đạo của UBND tỉnh tại Văn bản số 14206/UBND-THNC ngày 29/12/2022 về khắc phục các tồn tại, hạn chế trong thực hiện tiêu chí đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng hàng năm bám sát kế hoạch UBND tỉnh và của đơn vị, địa phương. Chỉ đạo rà soát lại kết quả

đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng cấp tỉnh năm 2022 của tỉnh để rút kinh nghiệm và khắc phục các hạn chế, khuyết điểm trong việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tham nhũng, chú trọng đến các nội dung còn hạn chế của tỉnh như: công tác tiếp dân, việc phát hiện và xử lý tham nhũng, việc thu hồi tài sản tham nhũng... Thường xuyên chỉ đạo tổng hợp, theo dõi kết quả triển khai, thực hiện gắn với việc tổng hợp tài liệu kiểm chứng để theo dõi, đánh giá, đôn đốc thực hiện và tổng hợp báo cáo trong hồ sơ đánh giá hàng năm của UBND tỉnh.

3. Đối với công tác đánh giá chỉ số phòng, chống tham nhũng năm 2022:

- Ghi nhận, biểu dương các cơ quan tổng hợp đã phối hợp thực hiện tốt trong công tác tham mưu cho UBND tỉnh đánh giá chỉ số PCTN cấp tỉnh năm 2022 gồm: Văn phòng UBND tỉnh, Công an tỉnh, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam Chi nhánh tỉnh Đồng Nai, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Tư pháp, Thanh tra tỉnh. Giao Thanh tra tỉnh chủ trì, phối hợp Sở Nội vụ và các cơ quan liên quan rà soát các tiêu chí, đề xuất khen thưởng cho các tập thể, cá nhân các cơ quan đủ điều kiện theo quy định.

- Đối với các sở, ngành, địa phương trong năm 2022 đã có tích cực, chuyển biến trong việc phối hợp với các cơ quan tổng hợp để thực hiện đánh giá công tác PCTN của tỉnh, tuy nhiên, đa số các đơn vị, địa phương còn thực hiện chậm và chưa đầy đủ, các cơ quan tổng hợp phải nhắc nhở, đôn đốc nhiều. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương chấn chỉnh, khắc phục ngay việc chậm báo cáo, cung cấp và cung cấp không đầy đủ danh mục các hồ sơ, tài liệu kiểm chứng trong việc đánh giá chỉ số phòng, chống tham nhũng hàng năm.

Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh (thông qua Thanh tra tỉnh) để chỉ đạo, xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục IV-Thanh tra Chính phủ;
- TT.Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
- Q. Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, THNC.


Q. CHỦ TỊCH
Võ Tấn Đức

THANH TRA CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2542 /TTCP-C.IV

Hà Nội, ngày 06 tháng 1 năm 2023

V/v điểm đánh giá công tác
PCTN năm 2022

VĂN PHÒNG TỈNH ỦY Đ. N.	
CÔNG VĂN ĐẾN	Số: 13903 /A
	Ngày: 09/11/23
	Chuyên:
	Lưu: K.S.S.6

Kính gửi:

- Tỉnh uỷ Đồng Nai;
- Ban Chỉ đạo PCTNTC tỉnh Đồng Nai;
- UBND tỉnh Đồng Nai.

Thực hiện Kế hoạch số 344/KH-TTCP ngày 15/2/2023 của Tổng Thanh tra Chính phủ về việc đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng đối với tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh) năm 2022.

Thực hiện quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng (PCTN) năm 2018, ngày 15 tháng 2 năm 2023 Thanh tra Chính phủ đã ban hành Kế hoạch số 344/KH-TTCP tổ chức đánh giá công tác PCNT cấp tỉnh năm 2022, đã ký Quyết định số 152/QĐ-TTCP ngày 14 tháng 4 năm 2023 ban hành Bộ Chỉ số đánh giá và tài liệu hướng dẫn các địa phương tự đánh giá. Căn cứ hồ sơ, tài liệu minh chứng, Thanh tra Chính phủ đã tổ chức rà soát, đánh giá báo cáo tự đánh giá của địa phương. Điểm đánh giá công tác PCTN năm 2022 của Tỉnh đạt 75.93/100 điểm (có phụ lục kèm theo).

Trên cơ sở kết quả điểm đánh giá công tác PCTN năm 2022 mà Tỉnh đạt được, Thanh tra Chính phủ trân trọng đề nghị các đồng chí tiếp tục, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhằm nâng cao hiệu quả công tác PCTN tại địa phương./. *[Signature]*

Nơi nhận: *[Signature]*

- Như trên;
- Tổng Thanh tra CP (để b/c);
- Các Phó Tổng Thanh tra CP;
- Vụ KHTH; Cục III thuộc TTCP;
- Lưu: VT, C.IV (4b). *[Signature]*

KT. TỔNG THANH TRA
PHÓ TỔNG THANH TRA*[Signature]*
Bùi Ngọc Lam



ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN NĂM 2022 CỦA TỈNH ĐỒNG NAI

(Kèm theo Công văn số: 2542/TTCP-C.IV ngày 06 tháng 11 năm 2023)

NỘI DUNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	Thang điểm	Điểm tự đánh giá	Điểm sau rà soát
TỔNG ĐIỂM (A+B+C+D)	100	80.82	75.93
A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	20	20.00	19.08
A.1. Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác PCTN:	5	5.00	5.00
A.1.1. Ban hành kế hoạch PCTN năm 2022	1	1.00	1.00
A.1.2. Nội dung kế hoạch PCTN năm 2022	4	4.00	4.00
A.1.2.1 Triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của TW về PCTN	1	1.00	1.00
A.1.2.2 Kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL về PCTN	0.5	0.50	0.50
A.1.2.3 Xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN	0.5	0.50	0.50
A.1.2.4 Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN	0.5	0.50	0.50
A.1.2.5 Kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản QPPL về PCTN	0.5	0.50	0.50
A.1.2.6 Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện kế hoạch PCTN	1	1.00	1.00
A.2. Đánh giá việc tổ chức thực hiện:	15	15.00	14.08
A.2.1. Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN	4	4.00	4.00
A.2.1.1. Ban hành kế hoạch	1	1.00	1.00
A.2.1.2. Kết quả thực hiện	3	3.00	3.00
A.2.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	4	4.00	4.00
A.2.2.1. Ban hành kế hoạch	1	1.00	1.00
A.2.2.2. Kết quả thực hiện	3	3.00	3.00
A.2.3. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.	4	4.00	4.00
A.2.3.1. Ban hành kế hoạch	1	1.00	1.00
A.2.3.2. Kết quả thực hiện	3	3.00	3.00
A.2.4. Thực hiện việc kiểm tra và theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN	1	1.00	1.00
A.2.5. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh và chỉ đạo xử lý các kiến nghị của công dân.	2	2.00	1.08
A.2.5.1. Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	1	1.00	1.00
A.2.5.2. Việc chỉ đạo của Chủ tịch UBND cấp tỉnh xử lý tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân ...	1	1.00	0.08
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG	30	26.02	26.02

Phù

B.1. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước	26	22.02	22.02
B.1.1. Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018	6	4.00	4.00
B.1.2. Kết quả cải cách hành chính (PAR 2022)	1	0.83	0.83
B.1.3. Kết quả chuyển đổi số cấp tỉnh (DTI năm 2022)	1	1.00	1.00
B.1.4. Kết quả thực Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt	1	1.00	1.00
B.1.5. Kết quả việc thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn	2	1.40	1.40
B.1.5.1. Việc ban hành kế hoạch	1	0.70	0.70
B.1.5.2. Kết quả thực hiện	1	0.70	0.70
B.1.6. Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích (XĐLI)	4	3.00	3.00
B.1.6.1. Việc ban hành kế hoạch	1	1.00	1.00
B.1.6.2. Kết quả thực hiện	1	1.00	1.00
B.1.6.3. Kết quả giải quyết XĐLI	2	1.00	1.00
B.1.7. Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của CB, CC, VC	1	0.79	0.79
B.1.7.1. Việc ban hành kế hoạch	0.5	0.36	0.36
B.1.7.2. Kết quả thực hiện	0.5	0.43	0.43
B.1.8. Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử	1	1.00	1.00
B.1.9. Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)	5	5.00	5.00
B.1.9.1. Ban hành kế hoạch kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	1.00	1.00
B.1.9.2. Kết quả kê khai, công khai bản kê khai TSTN.	1	1.00	1.00
B.1.9.3. Việc ban hành, phê duyệt kế hoạch xác minh TSTN	1	1.00	1.00
B.1.9.4. Kết quả xác minh TSTN	2	2.00	2.00
B.1.10. Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP	4	4.00	4.00
B.1.10.1. Kế hoạch triển khai thực hiện Chỉ thị 10	1	1.00	1.00
B.1.10.2. Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh....	1	1.00	1.00
B.1.10.3. Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10	2	2.00	2.00
B.2. Công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	4	4.00	4.00
B.2.1. UBND cấp tỉnh ban hành văn bản hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	1	1.00	1.00
B.2.2. Kết quả Thanh tra việc thực hiện pháp luật PCTN đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài Nhà nước	3	3.00	3.00
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHƯNG	40	27.65	25.68
C.1. Việc phát hiện hành vi tham nhũng	12	5.09	3.12
C.1.1. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua KT, TT, GS	4	0.07	0.07
C.1.2. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo	4	2.00	0.03
C.1.3. Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử	4	3.02	3.02
C.2. Việc xử lý tham nhũng	20	18.56	18.56
C.2.1. Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân do để xảy ra TN	5	5.00	5.00

C.2.1.1. Kết quả xử lý kỷ luật về đảng, xử phạt hành chính đối với tổ chức do để xảy ra tham nhũng.	2.5	2.50	2.50
C.2.1.2. Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân có hành vi tham nhũng	2.5	2.50	2.50
C.2.2. Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng	7.5	6.06	6.06
C.2.2.1. Kết quả xử lý qua điều tra	2.5	2.07	2.07
C.2.2.2. Kết quả xử lý qua truy tố	2.5	2.50	2.50
C.2.2.3. Kết quả xử lý qua xét xử	2.5	1.49	1.49
C.2.3. Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.	7.5	7.50	7.50
C.2.3.1. Hình thức khiển trách	2.5	2.50	2.50
C.2.3.2. Hình thức cảnh cáo	2.5	2.50	2.50
C.2.3.3. Hình thức cách chức	2.5	2.50	2.50
C.3. Kết quả xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật về PCTN	8	4.00	4.00
C.3.1. Kết quả xử lý vi phạm trong thực hiện công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan, tổ chức đơn vị (Điều 81 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1.00	1.00
C.3.2. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn (Điều 82 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1.00	1.00
C.3.3. Kết quả xử lý vi phạm quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị (Điều 83 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	1.00	1.00
C.3.4. Kết quả xử lý vi phạm quy định về xung đột lợi ích (Điều 84 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0.00	0.00
C.3.5. Kết quả xử lý vi phạm quy định về chuyển đổi vị trí công tác	1	1.00	1.00
C.3.6. Kết quả xử lý vi phạm quy định về báo cáo, xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng (Điều 85 – Nghị định 59/2019/NĐ-CP)	1	0.00	0.00
C.3.7. Kết quả xử lý hành vi vi phạm đối với người kê khai TSTN và xử lý hành vi vi phạm khác trong kiểm soát TSTN (Điều 20, 21 – Nghị định 130/2020/NĐ-CP)	2	0.00	0.00
D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHƯNG	10	7.15	5.15
D.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	5	5.00	3.00
D.1.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra	3	3.00	3.00
D.1.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác giải quyết đơn tố cáo, phản ánh	2	2.00	0.00
D.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án	5	2.15	2.15
D.2.1. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác điều tra, truy tố, xét xử	2.5	2.00	2.00
D.2.2. Kết quả thu hồi tiền, tài sản tham nhũng qua công tác thi hành án	2.5	0.15	0.15